

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày: 15 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Minh;

Ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2021/TLST - HS ngày 26 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thanh Tùng, sinh ngày 12/01/1998; nơi cư trú: Xóm 18, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị N; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 16/01/2021 đến ngày 25/01/2021 chuyển tạm giam; “có mặt”.

2. Vũ Văn T, sinh ngày 21/07/1985; nơi cư trú: Xóm 4, Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị L; có vợ là Lín Thị Ch, sinh năm 1985; có 03 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 16/01/2021 đến ngày 25/01/2021 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

- Bị hại: Anh Trần Duy H, sinh năm 1972, nơi cư trú: Xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lín Thị Ch; “vắng mặt”;
2. Anh Phạm Văn Q; “vắng mặt”;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 13/01/2021, Phạm Thanh T, sinh năm 1998, nơi cư trú: Xóm 18, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định một mình đi bộ qua quán phở “Hiền Mập” của gia đình anh Trần Duy H thuộc khu vực xóm B, xã X, huyện X phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, sơn màu trắng đen bạc, BKS: 18F1 - 273.58 của anh H đang dựng ở trước cửa quán, chìa khóa điện đang cắm ở ổ khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát thấy trong quán không có người trông coi, T đi đến ngồi lên xe, mở khóa điện nổ máy rồi điều khiển đi về hướng huyện Giao Thủy tìm nơi tiêu thụ. Đến khoảng 17 giờ 20 phút. T đến quán sửa chữa xe máy “Trần H” ở xóm 5, Quyết T, xã G, huyện G, lúc này trong quán chỉ có Vũ Văn T, sinh năm 1985, nơi cư trú xóm 4, Quyết T, xã G, huyện G là khách hàng và đang tự sửa xe của T, T vào gặp T hỏi “Anh có mua xe không giấy tờ không” T quan sát xe và T rồi nói “Xe ăn trộm phải không”, T trả lời “Ừ”, xe của bạn ăn trộm, tôi bán hộ”, Tuyến biết là xe do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua và trả giá là 1.000.000đ, T nhất trí bán. Sau đó T lấy tờ giấy ở quán tháo biển kiểm soát của xe cho vào cốp rồi gọi điện cho vợ là Lín Thị C, sinh năm 1985, nơi cư trú: xóm 4, Q, xã G, huyện Giao T, tỉnh Nam Định bảo “Mang 1.000.000đ ra dốc Hoàn Nha để anh mua xe”. Do đang bận trông con nhỏ nên Lín Thị C nhờ em họ là Phạm Văn Q, sinh năm 1970, nơi cư trú: Xóm 1, Q, xã G, huyện Giao T mang tiền ra cho T, Chờ chưa thấy vợ mang tiền đến, T bảo T chờ đi lấy tiền, khi đi đến khu vực nghĩa trang nhân dân thuộc xóm 5, Quyết T, xã G thì gặp Phạm Văn Q đi đến. T bảo Q đưa tiền cho T. T nhận 1.000.000đ rồi đi về. Còn Tuyến điều khiển xe vừa mua được của T đi về nhà. T nói với vợ là “Mua xe đầy đủ giấy tờ, giá 8.000.000đ, còn thiếu 1.000.000đ nên bảo vợ mang ra trả”, sau đó T tháo hai gương chiếu hậu ra, lắp biển kiểm soát vào xe và cất giấu tại nhà.

Nhận được đơn trình báo của người bị hại, Cơ quan CSĐT Công an huyện Xuân Trường đã tiến hành điều tra, xác minh. Ngày 16/01/2021 đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Thanh T, Vũ Văn T. Khám sát khẩn cấp nơi ở của Vũ Văn T. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường thu giữ chiếc xe mô tô BKS: 18F1 - 273.58 và 01 đôi gương xe mô tô. Thu giữ của Phạm Thanh T bộ quần áo và đôi dép T sử dụng khi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 55/KL-HĐĐG ngày 18/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Xuân Trường đã kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 18F1 -

273.58 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 12.000.000đ.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Thanh T và Vũ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên cũng như không khiếu nại gì.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả chiếc mô tô và đôi gương xe cho anh Trần Duy H. Anh H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Cáo trạng số 16/CT-VKSXT ngày 25/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố đối với Phạm Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vũ Văn Tuyến về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đánh giá, phân tích mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Phạm Thanh T và Vũ Văn T và giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Phạm Thanh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với Vũ Văn Tuyến.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T từ 9 đến 12 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 18-21 tháng cải tạo không giam giữ và được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã tạm giữ từ ngày 16/01/2021 đến ngày 25/01/2021). Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu cho tiêu hủy 01 quần áo và 01 đôi dép đã thu giữ của bị cáo Tùng.

Truy thu của bị cáo T số tiền 1.000.000đ sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không có tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 13/01/2021 tại xóm Bắc, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, Phạm Thanh T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc trông coi tài sản, lẻ lút trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, sơn màu trắng đen bạc, BKS: 18F1 - 273.58 trị giá 12.000.000đ của anh Trần Duy Hưng sau đó bán cho anh Vũ Văn Tuyến, T biết rõ đây là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn mua với giá 1.000.000đ. Vì vậy, hành vi của bị cáo Phạm Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo Vũ Văn T phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đối với các bị cáo ra phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Tùng là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo còn thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, ngang nhiên giữa ban ngày chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật thì mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Hành vi của bị cáo T đã xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng của Nhà nước, bị cáo Tuyến biết rõ chiếc xe mô tô T đem bán là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn mua, vì háo lợi, hành vi của bị cáo còn là tiếp tay cho kẻ phạm tội. Bị cáo là người có năng lực hành vi nhận thức được việc làm của mình nên cần phải xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật thì mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T, bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo T có bố được tặng thưởng huân chương chiến sĩ giải phóng, huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, xét thấy cần phải cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, có như vậy mới tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo T, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo đã bị tạm giữ 10 ngày (từ ngày 16/01/2021 đến 25/01/2021) cứ một ngày tam giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ nên thời gian tạm giữ của bị cáo sẽ được khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ cho bị cáo.

Bị cáo T có hoàn cảnh khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như quan điểm của Đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Duy H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh là phù hợp.

[8] Về vật chứng, tài sản thu giữ: Đối với 01áo khoác, 01 quần dài, 01 đôi dép xốp đã thu giữ của bị cáo T không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với số tiền 1.000.000đ do bị cáo T phạm tội mà có, bị cáo T đã chi tiêu cá nhân hết nên cần truy thu số tiền này của bị cáo để sung ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với chị Lín Thị C và anh Phạm Văn Q, xét ý thức chủ quan không biết việc giao dịch, mua bán giữa Phạm Thanh T và Vũ Văn T nên Cơ quan điều tra đã nhắc nhở, rút kinh nghiệm là phù hợp pháp luật.

[10]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; các điều i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thanh T.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 323, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn T.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 01 năm 2021.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian 10 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 16/01/2021 đến 25/01/2021) bằng 30 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành là 17 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Vũ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của người bị kết án trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Vũ Văn T.

3. Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ; Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Truy thu của bị cáo Tù số tiền 1.000.000đ sung ngân sách Nhà nước.

Tuyên tịch thu cho tiêu hủy 01 áo khoác, 01 quần dài, 01 đôi dép xốp đã thu giữ của bị cáo T. (Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 26/CCTHA ngày 8/4/2021 giữa Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Phạm Thanh T, Vũ Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Thanh T, Vũ Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại anh Trần Duy H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Công an Huyện;
- UBND xã T;
- UBND xã G;
- Bị cáo;
- Bị hại;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Lưu.

Phạm Ngọc Long

